

Câu 1: Hàng hoá là gì? Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa và mối quan hệ giữa hai thuộc tính đó với tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá

1. Hàng hoá - hai thuộc tính của hàng hóa

a. Khái niệm: hàng hóa là sản phẩm của lao động, thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người, thông qua trao đổi, mua bán.

- Hàng hóa được phân thành hai loại:

+ Hàng hóa hữu hình: lương thực, quần áo, tư liệu sản xuất...

+ Hàng hóa vô hình (hàng hóa dịch vụ): dịch vụ vận tải, dịch vụ chữa bệnh...

b. Hai thuộc tính của hàng hóa

* Giá trị sử dụng: là công dụng của hàng hóa nhằm thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người

- Nhu cầu tiêu dùng sản xuất.

- Nhu cầu tiêu dùng cá nhân.

* Vật chất

* Tinh thần văn hóa

+ Phát hiện ra giá trị sử dụng là do tiến bộ KHKT, và sự phát triển của LLSX nói chung.

+ GTSD là phạm trù vĩnh viễn.

+ GTSD là nội dung vật chất của của cải.

+ GTSD là thuộc tính tự nhiên của hàng hóa.

* Giá trị (giá trị trao đổi) của hàng hoá:

- Giá trị trao đổi: Là một quan hệ về số lượng, thể hiện tỷ lệ trao đổi giữa hàng hóa này với hàng hóa khác

+ VD: 2 m vải = 10 kg thóc

Hai hàng hóa so sánh được với nhau thì bản thân 2 hàng hóa phải có một cái chung giống nhau. Nếu ta gạt bỏ GTSD của hàng hóa đi, mọi hàng hóa đều là SP của LĐ. Chính lao động là cơ sở của trao đổi và tạo thành giá trị hàng hóa.

Vậy thực chất của trao đổi sản phẩm là trao đổi lao động.

- Giá trị: của hàng hóa là lao động xã hội của người SX hàng hoá kết tinh trong hàng hóa (đây là chất, thực thể của giá trị).

* Giá trị là phạm trù lịch sử chỉ tồn tại trong sản xuất hàng hóa.

* Giá trị phản ánh quan hệ giữa người sản xuất hàng hóa.

* Giá trị là thuộc tính xã hội của hàng hóa.

c. Mối quan hệ giữa hai thuộc tính

Hai thuộc tính của hàng hóa có mối quan hệ với nhau vừa thống nhất vừa mâu

thuần nhau:

- Thống nhất: đã là hàng hóa phải có hai thuộc tính, nếu thiếu một trong hai thuộc tính không phải là hàng hóa.

- Mâu thuẫn giữa hai thuộc tính thể hiện:

* Với tư cách là GTSD các hàng hóa không đồng nhất về chất.

* Với tư cách là GT các hàng hóa đồng nhất về chất đều là lao động đã được vật hóa.

* Quá trình thực hiện giá trị và giá trị sử dụng là hai quá trình khác nhau về thời gian và không gian, do đó nếu giá trị hàng hóa không được thực hiện sẽ dẫn đến khủng hoảng sản xuất thừa.

Vậy trước khi thực hiện giá trị sử dụng phải trả giá trị của nó.

Nếu không thực hiện được giá trị sẽ không thực hiện được giá trị sử dụng.

2. Mỗi quan hệ của hai thuộc tính với tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá

Hàng hoá có hai thuộc tính không phải là do có hai thứ lao động kết tinh trong đó, mà là do lao động của con người sản xuất hàng hóa có tính hai mặt: vừa mang tính cụ thể (lũ cụ thể), vừa mang tính trừu tượng (lũ trừu tượng). C. Mác là người đầu tiên phát hiện ra tính chất hai mặt đó.

a. Lao động cụ thể: là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của một nghề nghiệp chuyên môn nhất định:

Mỗi lao động cụ thể có mục đích riêng, phương pháp, công cụ lao động, đối tượng lao động và kết quả lao động riêng.

Ví dụ: lao động của người thợ mộc và của người thợ may có mục đích khác nhau, đối tượng, phương pháp, công cụ và kết quả sản xuất khác nhau.

+ Lao động cụ thể là cơ sở của phân công lao động xã hội.

KHKT càng phát triển các hình thức lao động cụ thể càng đa dạng, phong phú.

+ Mỗi lao động cụ thể tạo ra một giá trị sử dụng nhất định.

+ Lao động cụ thể là phạm trù vĩnh viễn (xã hội càng phát triển các hình thức của lao động cụ thể có thể thay đổi).

b. Lao động trừu tượng: là lao động của người sản xuất hàng hóa đã gạt bỏ hình thức biểu hiện cụ thể của nó để quy về cái chung đồng nhất, đó là sự tiêu phí sức lao động, tiêu hao sức cơ bắp, thần kinh của con người.

- Lao động trừu tượng tạo ra giá trị hàng hóa.

- Lao động trừu tượng là phạm trù lịch sử, chỉ có sản xuất sản phẩm để bán thì lao động sản xuất hàng hóa đó mới có tính chất là lao động trừu tượng.

- Lao động trừu tượng là lao động đồng nhất và giống nhau về chất.

c. Mâu thuẫn cơ bản của nền sản xuất hàng hóa

Trong nền sản xuất hàng hóa:

- Lao động cụ thể biểu hiện thành lao động tư nhân.

- Lao động trừu tượng biểu hiện thành lao động xã hội.

- Mâu thuẫn cơ bản của nền sản xuất hàng hóa là: mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội.

- Biểu hiện:

.. Sản phẩm do người sản xuất nhỏ tạo ra có thể không phù hợp với nhu cầu xã hội

.. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất có thể cao hơn hay thấp hơn hao phí lao động mà xã hội chấp nhận.

.. Mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội chứa đựng khả năng sản xuất thừa.

Mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động XH là mầm mống của mọi sự mâu thuẫn trong nền sx hàng hoá. Chính vì những mâu thuẫn đó mà sản xuất hàng hoá vừa vận động vừa phát triển, vừa tiềm ẩn khả năng khủng hoảng

Câu 2: Phân tích nội dung và tác động của quy luật giá trị.

1. Nội dung của quy luật giá trị

- Quy luật giá trị là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá. Quy luật yêu cầu sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở giá trị của nó, tức trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết.

Cụ thể:

+ Trong sản xuất:

* Khối lượng sản phẩm mà những người SX tạo ra phải phù hợp nhu cầu có khả năng thanh toán của XH.

* Hao phí lao động cá biệt phù hợp với hao phí lao động xã hội cần thiết.

+ Còn trong trao đổi: phải thực hiện theo nguyên tắc ngang giá: hai hàng hoá trao đổi với nhau khi cùng kết tinh một lượng lao động như nhau, hoặc trao đổi, mua bán hàng hoá phải thực hiện theo nguyên tắc giá cả phù hợp với giá trị.

2. Tác động của quy luật giá trị

- Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá.

+ Điều tiết SX: phân phối TLSX và SLĐ vào các ngành, vùng khác nhau.

Quy luật giá trị điều tiết một cách tự phát thông qua sự lên xuống của giá cả.

+ Điều tiết lưu thông: phân phối nguồn hàng hoá từ nơi có giá cả thấp đến nơi có

giá cả cao.

- Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

Người SX nào có: hao phí lao động cá biệt nhỏ hơn hao phí lao động xã hội cần thiết sẽ trở nên GIÀU muốn vậy phải cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức, quản lý SX, thúc đẩy LLSX của XH phát triển.

- Phân hoá những người sản xuất hàng hoá thành người giàu, người nghèo.

+ Người nào có giá trị cá biệt nhỏ hơn giá trị xã hội thu được nhiều lãi trở lên giàu có.

+ Người nào có giá trị cá biệt lớn hơn giá trị xã hội sẽ rơi vào tình trạng thua lỗ trở lên nghèo khó.

Như vậy, quy luật giá trị vừa có tác dụng tích cực vừa có tác động tiêu cực. Do đó đồng thời với việc thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển, nhà nước cần có những biện pháp để phát huy tính tích cực, hạn chế tiêu cực.

Câu 3: Phân tích công thức chung của tư bản và mâu thuẫn của nó.

1. Công thức chung của tư bản

Tiền là sản vật cuối cùng của lưu thông hàng hoá, đồng thời cũng là hình thức đầu tiên của tư bản. Mọi tư bản lúc đầu đều biểu hiện dưới hình thái một số tiền nhất định. Nhưng bản thân tiền không phải là tư bản. Tiền chỉ biến thành tư bản trong những điều kiện nhất định, khi chúng được sử dụng để bóc lột lao động của người khác.

Sự vận động của đồng tiền thông thường và đồng tiền là tư bản có sự khác nhau hết sức cơ bản.

- Với tư cách là tiền trong lưu thông hàng hoá giản đơn, tiền vận động theo công thức:

H-T-H (1)

- Còn với tư cách là tư bản, tiền vận động theo công thức:

T-H-T (2)

So sánh sự vận động của hai công thức trên:

- Giống nhau:

+ Đều có 2 nhân tố là tiền và hàng.

+ Điều là sự kết hợp của hai hành động đối lập, nối tiếp nhau.

- Khác nhau:

+ Trình tự các hành vi khác nhau: lưu thông hàng hóa giản đơn bắt đầu bằng bán và kết thúc bằng mua, còn công thức chung của tư bản bắt đầu bằng mua và kết thúc bằng bán.

+ Điểm xuất phát và kết thúc: lưu thông hàng hóa giản đơn bắt đầu bằng hàng và kết thúc bằng hàng, còn công thức chung của tư bản bắt đầu bằng tiền và kết thúc cũng bằng tiền.

+ Động cơ mục đích của vận động: lưu thông hàng hóa giản đơn mục đích là giá trị sử dụng còn công thức chung của tư bản mục đích là giá trị và giá trị lớn hơn. Tư bản vận động theo công thức: $T-H-T'$, trong đó $T' = T + \Delta t$; Δt là số tiền trội hơn gọi là giá trị thặng dư và ký hiệu là m .

+ Giới hạn của vận động: công thức lưu thông hàng hóa giản đơn có giới hạn còn công thức chung của tư bản không có giới hạn. Công thức được viết là: $T-H-T'-H-T''...$

2. Mâu thuẫn của công thức chung

- Giá trị thặng dư được tạo ra ở đâu?

- Công thức $T-H-T'$ làm cho người ta lầm tưởng rằng: cả sản xuất và lưu thông đều tạo ra giá trị và giá trị thặng dư.

- Trong lưu thông có thể xảy ra hai trường hợp:

+ Trao đổi ngang giá: hai bên trao đổi không được lợi về giá trị, chỉ được lợi về giá trị sử dụng.

+ Trao đổi không ngang giá: có thể xảy ra ba trường hợp:

* Bán cao hơn giá trị: được lợi khi bán thì khi mua bị thiệt vì người bán cũng đồng thời là người mua.

* Mua thấp hơn giá trị: khi là người mua được lợi thì khi là người bán bị thiệt.

* Mua rẻ, bán đắt: tổng giá trị toàn xã hội không tăng lên bởi vì số giá trị mà người này thu được là số giá trị mà người khác bị mất.

Vậy lưu thông và bản thân tiền tệ trong lưu thông không tạo ra giá trị và giá trị thặng dư.

Còn ngoài lưu thông? Nếu tư liệu sản xuất là hàng thì sẽ khấu trừ hoặc chuyển giá trị của nó ào sản phẩm và không thể làm tăng giá trị. Nếu là tư liệu tiêu dùng thì giá trị của nó sẽ hao mòn dần không thể tăng thêm về giá trị.

Kết luận:

- Phải lấy quy luật nội tại của lưu thông tư bản để giải thích sự chuyển hóa của tiền

thành tư bản, tức là lấy việc trao đổi ngang giá làm điểm xuất phát.

- Sự chuyên hóa của người có tiền thành nhà tư bản phải tiến hành trong phạm vi lưu thông và đồng thời lại không phải trong lưu thông.

“Vậy là tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông”. Đó là mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

Câu 4: Sức lao động là gì. Phân tích 2 thuộc tính của hàng hoá sức lao động. Vì sao nói việc tìm ra hàng hoá sức lao động được ví như là tìm ra chìa khoá giải quyết mâu thuẫn trong công thức chung tư bản.

a. Sức lao động và điều kiện để biến sức lao động thành hàng hóa

* Sức lao động là toàn bộ những năng lực (thể lực và trí lực) tồn tại trong một con người và được người đó sử dụng vào sản xuất.

Sức lao động là cái có trước, lao động là cái có sau, là quá trình vận dụng sức lao động.

- Sức lao động trở thành hàng hóa khi có hai điều kiện:

+ Người lao động là người tự do, có khả năng chi phối sức lao động.

+ Người lao động không có TLSX cần thiết để kết hợp với SLĐ của mình. Tức là không có nguồn lực nào khác ngoài sức lao động, muốn sống phải bán SLĐ cho người khác sử dụng.

b. Hai thuộc tính của hàng hoá sức lao động

* Giá trị của hàng hoá sức lao động: Nỗ lực quyeát ñình bôûi giaù trò cuûa TLSH ñeõ nuôi soáng ngöôøi công nhaân vaø gia ñình hoï, kể cả khâu chi phí ñeõ tạo ngöôøi công nhaân .

- Lượng giá trị các tư liệu sinh hoạt cần thiết bao gồm:

+ Giá trị các tư liệu sinh hoạt vật chất và tinh thần cần thiết để nuôi sống công nhân.

+ Chi phí đào tạo công nhân.

+ Giá trị các tư liệu sinh hoạt vật chất và tinh thần cần thiết cho gia đình công nhân.

- Giá trị hàng hoá sức lao động bao hàm cả yếu tố lịch sử, tinh thần.

- Giá trị sức lao động biểu hiện bằng tiền gọi là giá cả sức lao động hay còn gọi là tiền lương.

- Giá trị của hàng hoá SLĐ chịu sự tác động của hai xu hướng đối lập nhau:

* Giá trị hàng hóa SLĐ có xu hướng tăng:

+ SX càng phát triển nhu cầu về lao động phức tạp tăng.

+ Nhu cầu TLSH tăng theo đà tiến bộ của LLSX.

* Xu hướng giảm giá trị hàng hóa SLĐ: do NSLĐ tăng nên giá cả các tư liệu sinh hoạt, dịch vụ giảm.

* Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động:

- Giống hàng hoá thông thường, giá trị sử dụng hàng hoá sức lao động thoả mãn nhu cầu của người mua.

- Công dụng của nó biểu hiện qua tiêu dùng hàng hoá sức lao động, chính là tiến hành quá trình lao động.

- Quá trình lao động đồng thời là quá trình sản xuất ra hàng hoá, sức lao động tạo ra một giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó.

- Hàng hoá sức lao động có đặc điểm riêng biệt, là nguồn gốc trực tiếp tạo ra giá trị thặng dư, là chìa khoá để giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản.

- Hàng hóa SLĐ là điều kiện của sự bóc lột chứ không phải là cái quyết định có hay không có bóc lột.

c. Hàng hoá sức lao động là chìa khoá giải quyết mâu thuẫn trong công thức chung TB.

Công thức chung của TB là $T - H - T'$. Làm sao để $T' > T$ để tạo giá trị thặng dư trong khi tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và ngay cả ngoài lưu thông.

Với tìm ra hàng hoá sức lao động có khả năng bảo tồn giá trị của nó mà còn làm cho giá trị tăng thêm. Do đó với việc tìm ra và lý giải phạm trù hàng hoá sức lao động được coi là chìa khoá giải quyết mâu thuẫn trong công thức chung TB

Câu 5: Thế nào là sản xuất giá trị thặng dư tương đối? Tuyệt đối? Ý nghĩa ? cho ví dụ.

a. Giá trị thặng dư tuyệt đối: là giá trị thặng dư được tạo ra do kéo dài ngày lao động trong khi thời gian lao động tất yếu không thay đổi.

Giả sử ngày lao động 10 h trong đó 5 h thời gian lao động tất yếu, 5 h thời gian lao động thặng dư.

Biểu diễn bằng sơ đồ sau:

Tỷ suất giá trị thặng dư: $m' = 5/5 \cdot 100\% = 100\%$

Giả sử ngày lao động kéo dài thêm 3 h nữa, thời gian lao động tất yếu không đổi (5 h), thời gian lao động thặng dư tăng lên 8 h:

$m' = 7/5 \cdot 100\% = 140\%$

- Những con đường chủ yếu để SX ra giá trị thặng dư tuyệt đối:

+ tăng thời gian làm việc trong 1 ngày, tháng, năm...

+ tăng cường độ lao động.

- Giới hạn ngày lao động: về thể chất và tinh thần của người công nhân: co dãn trong khoảng: Thời gian lao động cần thiết < ngày lao động < 24 h.

- Giới hạn ngày lao động phụ thuộc:

+ Trình độ LLSX;

+ Tính chất QHSX;

+ So sánh lực lượng giữa công nhân và tư bản.

b. Giá trị thặng dư tương đối là: giá trị thặng dư thu được do rút ngắn thời gian lao động tất yếu, nhờ đó tăng thời gian lao động thặng dư, trong điều kiện độ dài ngày lao động không thay đổi.

Sơ đồ ví dụ:

$m' = 5/5 \cdot 100\% = 100\%$

Nếu thời gian lao động tất yếu rút ngắn còn 3 h, thời gian lao động thặng dư tăng lên 3 h:

$m' = 7/3 \cdot 100\% = 350\%$

Muốn rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách: hạ thấp giá trị sức lao động, bằng cách giảm giá trị tư liệu sinh hoạt của công nhân. Do đó phải tăng năng suất

lao động xã hội trong các ngành sản xuất tư liệu sinh hoạt, các ngành SX TLSX để SX các TLSH. Nghĩa là tăng năng suất lao động xã hội.

Ý nghĩa của hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư:

Hai phương pháp SXGTTD nói trên đã được các nhà tư bản sử dụng kết hợp với nhau để nâng cao trình độ bóc lột người làm thuê trong quá trình phát triển của CNTB. Dưới CNTB, việc áp dụng máy móc không phải là để giảm nhẹ cường độ LĐ của công nhân, mà trái lại để tăng cường độ lao động. Ngày nay, việc tự động hoá SX làm cho cường độ LĐ tăng lên, nhưng dưới hình thức mới, sự căng thẳng thần kinh thay cho cường độ lao động cơ bắp.

+ Trong điều kiện cơ sở vật chất nghèo nàn lạc hậu, việc kéo dài thời gian lao động và tăng cường độ lao động có ý nghĩa giải quyết được khó khăn về đời sống hoặc hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

+ Cái tiến kỹ thuật, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật mới, tăng năng suất LĐ, gia tăng của cải vật chất có ý nghĩa lâu bền.

+ Nếu gạt bỏ tính chất tư bản chủ nghĩa, thì hai phương pháp này có ý nghĩa tích cực trong việc đem lại của cải vật chất cho xã hội, góp phần tăng phúc lợi xã hội, tái sản xuất ở nước ta.

+ vạch trần được bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản đối với người công nhân.

Câu 6: Phân tích sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến. Các bộ phận khác nhau của tư bản có tác dụng như thế nào trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư.

b. Tư bản bất biến: Bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất mà giá trị được bảo tồn và chuyển vào sản phẩm, tức là giá trị không thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất

+ Gồm: * máy móc, nhà xưởng

* nguyên, nhiên, vật liệu

+ Đặc điểm:

* giá trị của chúng được bảo tồn và chuyển dịch nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm

* giá trị tư liệu sản xuất được bảo tồn dưới hình thức giá trị sử dụng mới.

+ Tư bản bất biến ký hiệu là C.

c. Tư bản khả biến:

+ Bộ phận tư bản ứng trước dùng để mua hàng hoá sức lao động không tái hiện ra,

nhưng thông qua lao động trừu tượng, người công nhân làm thuê đã sáng tạo ra một giá trị mới, lớn hơn giá trị của sức lao động, tức là có sự biến đổi về số lượng.

+ Tư bản khả biến, ký hiệu là V

d. Căn cứ phân chia.

- Căn cứ vào vai trò khác nhau của các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư.

+ TBKB trong quá trình sản xuất lớn hơn về mặt giá trị của nó, tức là biến đổi về lượng

+ TBBB là điều kiện cần thiết không thể thiếu để sx giá trị thặng dư nhưng trong quá trình sx giá trị của nó được chuyển vào trong sản phẩm, không tăng thêm giá trị.

Căn cứ khả năng thay đổi giá trị

+ TBBB không có khả năng tự biến đổi giá trị

+ TBKB có khả năng tự làm biến đổi giá trị, tạo ra giá trị thặng dư.

Việc phân chia ra TBBB và TBKB giúp chúng ta xác định rõ tỷ lệ của chúng cho phù hợp với yêu cầu sản xuất để sản xuất ra hàng hoá và giá trị thặng dư. Mặt khác giúp chúng ta tìm được ra nguồn gốc của giá trị thặng dư, đó là sức lao động của con người khi kết hợp với tư liệu sx, từ đây vạch trần được nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư của các nhà tư bản đó là bóc lột sức lao động của người lao động làm thuê. Từ đó bác bỏ quan điểm của giai cấp tư bản cho rằng máy móc tạo ra giá trị thặng dư.

e. Các bộ phận khác nhau của TB có tác dụng thế nào trong quá trình sản xuất GTTD.

Để sx GTTD, nhà tư bản phải ứng một lượng tb để mua tlsx và slđ, và như thế tb tiền tệ của nhà tư bản tồn tại dưới hai hình thức khác nhau của tư bản sản xuất. Mỗi bộ phận TB đó có vai trò khác nhau trong quá trình làm tăng giá trị.

Bộ phận TBBB tồn tại dưới hình thức tlsx, trong quá trình sx, lao động cụ thể của người công nhân chuyển nguyên vẹn giá trị đó vào sản phẩm (tức là không có khả năng làm thay đổi giá trị)

Bộ phận TBKB thì lại khác. Nó tồn tại dưới slđ, sau quá trình sx, bằng ld trừu tượng của mình, công nhân tạo ra một giá trị mới không những bù đắp được sức lao động do nhà tư bản trả cho công nhân mà còn có bộ phận GTTD cho tb. Như vậy, bộ phận TBKB đã có sự biến đổi về lượng trong quá trình sản xuất.

Qua đó, chúng ta thấy được rằng tư liệu lao động có vai trò ngày càng quan trọng góp phần tăng NSLĐ, nhưng máy móc và các công cụ khác không làm thay đổi giá

trị, nó chỉ là công cụ để nâng cao sức sx của lao động. Khi sức sx của ld tăng thì giá trị các biệt của 1 sản phẩm thấp hơn giá trị XH. Mặt khác, khối lượng sản phẩm tạo ra nhiều hơn khối lượng lợi nhuận mà hà tư bản thu được cũng sẽ lớn lên. Do đó, máy móc dù có hiện đại tới đâu thì nó cũng là ld chết

Câu 8: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì? Vì sao giai cấp công nhân lại có sứ mệnh lịch sử đó.

a. Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp điệu phát triển của lực lượng sản xuất có tính xã hội hóa ngày càng cao, là lực lượng sản xuất cơ bản tiên tiến, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

b. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là sản phẩm của nền sản xuất hiện đại, lực lượng đại biểu cho sự phát triển của lực lượng sản xuất tiên bộ, đại biểu cho xu hướng phát triển của phương thức sản xuất tương lai; do vậy, về mặt khách quan nó là giai cấp có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ mọi chế độ áp bức, bóc lột và xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân phải trải qua hai bước: bước thứ nhất, “Giai cấp vô sản chiếm lấy chính quyền nhà nước và biến tư liệu sản xuất trước hết thành sở hữu nhà nước”, thứ hai “...giai cấp vô sản cũng tự thủ tiêu với tư cách là giai cấp vô sản, chính vì thế mà nó cũng xóa bỏ mọi sự phân biệt giai cấp và mọi đối kháng giai cấp, và cũng xóa bỏ nhà nước với tư cách nhà nước”. Hai bước này quan hệ chặt chẽ với nhau: giai cấp công nhân không thực hiện được bước thứ nhất thì cũng không thực hiện được bước thứ hai nhưng bước thứ hai là quan trọng nhất để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải tập hợp được các tầng lớp nhân dân lao động xung quanh nó, tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng xóa bỏ xã hội cũ và xây dựng xã hội mới về mọi mặt từ kinh tế tới chính trị và văn hóa, tư tưởng.

Tiến lên một xã hội không còn giai cấp và thực hiện được nguyên tắc bình đẳng lý

tưởng “ làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu” như Mác dự báo là một quá trình khó khăn phức tạp, lâu dài. Trong quá trình tiến lên một xã hội như vậy giai cấp công nhân gặp vô cùng khó khăn, gặp phải sự chống đối quyết liệt của kẻ thù giai cấp, gặp phải tính tự phát của người sản xuất nhỏ,...

c. Sở dĩ GCCN có SMLS đó là do điều kiện khách quan quy định nên.

Đó là địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: lực lượng sản xuất là yếu tố động nhất, luôn luôn vận động và phát triển. Trong lực lượng sản xuất ở bất cứ xã hội nào người lao động cũng là yếu tố quan trọng nhất. Trong chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội với nền đại sản xuất công nghiệp ngày càng phát triển thì : “lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn nhân loại là công nhân, là người lao động”

Trong nền sản xuất đại công nghiệp gia cấp công nhân vừa là chủ thể trực tiếp nhất, vừa là sản phẩm căn bản nhất của nền sản xuất đó. Khi sản xuất đại công nghiệp ngày càng mở rộng, ngày càng phát triển thì “ tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp “, giai cấp vô sản “ được tuyên bố trong các giai cấp của dân cư”

Với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa “...giai cấp công nhân hiện đại...chỉ có thể sống với điều kiện là kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm, nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản “. Từ điều kiện làm việc như vậy đã buộc giai cấp công nhân phải không ngừng học tập vươn lên sao cho đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất ngày càng hiện đại. Ngày nay trong các nước tư bản phát triển tỷ lệ sản xuất tự động hóa ngày càng gia tăng với “ văn minh tin học”, “ kinh tế tri thức”, do vậy đội ngũ công nhân được “ tri thức hóa” cũng ngày càng gia tăng.

Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân hoàn toàn không có hoặc có rất ít tư liệu sản xuất, là người lao động làm thuê “ vì thế họ phải chịu hết sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường với mức độ khác nhau”. Như vậy, trong chế độ tư bản chủ nghĩa giai cấp công nhân có lợi ích đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản miến duy trì chế độ tư hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, duy trì chế độ áp bức bóc lột đối với giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động. Ngược lại lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân là xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, giành lấy chính quyền đó để tổ chức, xây dựng xã hội mới tiến tới một xã hội không còn tình trạng áp bức bóc lột.

Giai cấp công nhân lao động trong nền sản xuất đại công nghiệp, có qui mô sản

xuất ngày càng lớn, sự phụ thuộc lẫn nhau trong quá trình sản xuất ngày càng nhiều. Họ lại thường sống ở những thành phố lớn, những khu công nghiệp tập trung. Điều kiện làm việc, điều kiện sống của giai cấp công nhân đã tạo điều kiện cho họ có thể đoàn kết chặt chẽ với nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, Khả năng này giai cấp nông dân, thợ thủ công không thể có được.

Giai cấp công nhân có những lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của đại đa số quần chúng nhân dân lao động, do vậy tạo ra khả năng cho giai cấp này có thể đoàn kết với các giai cấp tầng lớp khác trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản để giải phóng mình và giải phóng toàn xã hội.

Và do những đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân

Từ địa vị kinh tế - xã hội nêu trên đã tạo cho giai cấp công nhân có những đặc điểm chính trị - xã hội mà những giai cấp khác không thể có được, đó là những đặc điểm sau đây:

Giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong cách mạng.

Giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong cách mạng vì họ đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa, phương thức sản xuất gắn liền với nền khoa học công nghiệp hiện đại; giai cấp công nhân có hệ tư tưởng tiên phong của thời đại ngày nay là tư tưởng Mác-Lênin mang tính cách mạng và khoa học. Chủ nghĩa Mác-Lênin được xây dựng trên cơ sở tiếp thu những thành tựu mới nhất của khoa học tự nhiên, những tri thức tiên tiến nhất của thời đại. Giai cấp công nhân không chỉ tiên phong trong lý luận mà còn tiên phong trong hành động, luôn luôn đi đầu trong mọi phong trào cách mạng, bằng hành động tiên phong của mình mà lôi kéo các giai cấp, tầng lớp khác vào phong trào cách mạng.

Giai cấp công nhân là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất.

Trong cuộc cách mạng tư sản, giai cấp tư sản chỉ có tinh thần cách mạng trong thời kỳ đấu tranh chống chế độ phong kiến, còn khi giai cấp này đã giành được chính quyền thì họ quay trở lại bóc lột giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, những giai cấp đã từng đi với giai cấp tư sản trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản. khác với giai cấp tư sản, giai cấp công nhân, con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp, lại bị giai cấp tư sản bóc lột nặng nề, có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản. Điều kiện sống, điều kiện lao động trong chế độ tư bản chủ nghĩa đã chỉ cho họ thấy, họ chỉ có thể được giải phóng bằng cách giải phóng toàn xã hội khỏi chế độ tư bản chủ nghĩa.

Trong Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, Mác và Ăngghen đã chỉ rõ: “ trong tất cả

các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng...

Các tầng lớp trung đẳng là những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương, thợ thủ công và nông dân, tất cả đều đấu tranh chống giai cấp tư sản để cứu lấy sự sống còn của họ với tính cách là những tầng lớp trung đẳng. Cho nên họ không cách mạng mà bảo thủ “.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân không gắn với tư hữu, do vậy, họ cũng kiên định trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh chống chế độ áp bức, bóc lột, xóa bỏ chế độ tư hữu, xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Giai cấp công nhân là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật cao.

Giai cấp công nhân lao động trong nền sản xuất đại công nghiệp với hệ thống sản xuất mang tính chất dây chuyền và nhịp độ làm việc khẩn trương, buộc giai cấp này phải tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động, cùng với cuộc sống đô thị đã tạo nên tính tổ chức, kỷ luật chặt chẽ của giai cấp công nhân.

Khi giai cấp công nhân tham gia vào các tổ chức nghiệp đoàn, công đoàn, tham gia vào cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản cũng đòi hỏi giai cấp này phải có ý thức tổ chức kỷ luật chặt chẽ. Nhất là khi giai cấp công nhân được sự giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin, tổ chức ra đảng cộng sản thì ý thức tổ chức kỷ luật lại càng được nâng lên. Giai cấp công nhân không có ý thức tổ chức kỷ luật cao thì không thể giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản.

Giai cấp công nhân có bản chất quốc tế.

Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, giai cấp tư sản là một lực lượng quốc tế, giai cấp tư sản không chỉ bóc lột giai cấp công nhân ở chính nước họ mà còn bóc lột giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa. Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, sản xuất mang tính toàn cầu hóa. Tư bản của nước này có thể đầu tư sang nước khác là một xu hướng khách quan. Nhiều sản phẩm không phải do một nước sản xuất ra mà là kết quả lao động của nhiều quốc gia. Vì thế, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân không chỉ diễn ra đơn lẻ ở từng doanh nghiệp, ở mỗi quốc gia mà ngày càng phải có sự gắn bó giữa phong trào công nhân các nước. Có như vậy, phong trào công nhân mới có thể giành được thắng lợi. Mác và Ăngghen đã chỉ ra rằng: “cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc”. Sau này Lênin chỉ rõ: “...không có sự ủng

hộ của cách mạng quốc tế thì thắng lợi của cách mạng vô sản không thể có được” vì “ tư bản là một lực lượng quốc tế”. Muốn thắng nó cần có sự liên minh quốc tế

Câu 9: Tính tất yếu, đặc điểm và thực chất của thời kì quá độ lên CNXH

a. Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

- Tính tất yếu của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Để chuyển từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa, là xã hội mà chủ nghĩa xã hội phát triển trên chính cơ sở vật chất kỹ thuật của nó, cần phải trải qua một thời kỳ quá độ nhất định.

Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được lý giải từ các căn cứ sau đây:

. Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội khác nhau về bản chất. Chủ nghĩa tư bản được xây dựng trên cơ sở chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, dựa trên chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức là nhà nước và tập thể, không còn các giai cấp đối kháng, không còn tình trạng áp bức, bóc lột. Muốn có xã hội như vậy cần phải có một thời kỳ lịch sử nhất định.

. Chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên nền sản xuất đại công nghiệp có trình độ cao. Quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đã tạo ra cơ sở vật chất, kỹ thuật nhất định cho chủ nghĩa xã hội, nhưng muốn cho cơ sở vật chất kỹ thuật đó phục vụ cho chủ nghĩa xã hội cần có thời gian tổ chức, sắp xếp lại.

Đối với những nước chưa từng trải qua quá trình công nghiệp hóa tiến lên chủ nghĩa xã hội thì thời kỳ quá độ cho việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội càng có thể kéo dài với nhiệm vụ trọng tâm của nó là tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

. Các quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự phát nảy sinh trong lòng chủ nghĩa tư bản, chúng là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, dù đã ở trình độ cao cũng chỉ có thể tạo ra những điều kiện, tiền đề cho sự hình thành các quan hệ xã hội mới xã hội chủ nghĩa. Vì vậy cũng cần phải có thời gian để xây dựng và phát triển những quan hệ đó.

. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp, phải có thời gian để giai cấp công nhân từng bước làm quen với những

công việc đó.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở các nước có trình độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau có thể diễn ra với khoảng thời gian dài ngắn khác nhau. Đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển ở trình độ cao khi tiến lên chủ nghĩa xã hội thời kỳ quá độ có thể tương đối ngắn. Những nước đã trải qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản ở trình độ trung bình, đặc biệt là những nước còn ở trình độ phát triển tiền tư bản, có nền kinh tế lạc hậu thì thời kỳ quá độ thường kéo dài với rất nhiều khó khăn, phức tạp.

- Đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự tồn tại những yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những nhân tố mới của chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên lĩnh vực kinh tế: Thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu còn tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần trong một hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất, vận động theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là bước quá độ trung gian tất yếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, không thể dùng ý chí để xóa bỏ ngay kết cấu nhiều thành phần của nền kinh tế, nhất là đối với những nước còn ở trình độ chưa trải qua sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Vận dụng tư tưởng về tính tất yếu của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần vào quá trình chỉ đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga xô viết, Lênin đã phân tích kết cấu nền kinh tế nước Nga lúc đó với 5 thành phần, được xếp theo trình độ phát triển của chúng từ thấp đến cao trong lịch sử, đó là: kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, kinh tế hàng hóa nhỏ, kinh tế tư bản, kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế xã hội chủ nghĩa. Các thành phần kinh tế này tồn tại trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa mâu thuẫn và đấu tranh với nhau. Mâu thuẫn giữa các thành phần kinh tế đó chỉ có thể được giải quyết trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được xác lập trên cơ sở khách quan của sự tồn tại nhiều loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất với những hình thức tổ chức kinh tế đa dạng, đan xen hỗn hợp và tương ứng với nó là những hình thức phân phối khác nhau, trong đó hình thức phân phối theo lao động tất yếu ngày càng giữ vai trò là hình thức phân phối chủ đạo.

Trên lĩnh vực chính trị: Do kết cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đa dạng, phức tạp, nên kết cấu giai cấp xã hội trong thời kỳ này cũng đa dạng,

phức tạp. Thời kỳ này bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, những người sản xuất nhỏ, tầng lớp tư sản. Các giai cấp; tầng lớp này vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Trong một giai cấp, tầng lớp cũng có nhiều bộ phận có trình độ, có ý thức khác nhau. Giai cấp công nhân có một bộ phận làm trong doanh nghiệp nhà nước, một bộ phận làm trong các xí nghiệp nhỏ, công ty tư nhân; một bộ phận làm trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trí thức cũng vậy. Một bộ phận làm trong các cơ quan nhà nước, một bộ phận làm trong các công ty tư nhân, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Thu nhập, ý thức chính trị của các bộ phận khác nhau có sự khác nhau.

Trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa - xã hội: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều tư tưởng và văn hóa khác nhau. Bên cạnh tư tưởng xã hội chủ nghĩa, là chủ nghĩa Mác-Lênin giữ vai trò thống trị còn tồn tại tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông... Lenin cho rằng, tính tự phát tiểu tư sản là “ kẻ thù đầu mặt hết sức nguy hiểm, nguy hiểm hơn cả bọn phản cách mạng công khai”. Trên lĩnh vực văn hóa cũng tồn tại văn hóa cũ, văn hóa mới, chúng thường xuyên đấu tranh với nhau.

Thực chất của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản đã bị đánh bại không còn là giai cấp thống trị và những thế lực chống phá chủ nghĩa xã hội với giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động. Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra trong điều kiện mới là giai cấp công nhân đã cầm quyền, quản lý tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Cuộc đấu tranh giai cấp với những nội dung, hình thức mới, diễn ra trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, bằng tuyên truyền vận động là chủ yếu, bằng hành chính và luật pháp.

- Nội dung kinh tế, chính trị và văn hóa, xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực kinh tế:

Nội dung cơ bản trong lĩnh vực kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thực hiện việc sắp xếp, phối trí lại các lực lượng sản xuất hiện có của xã hội; cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới theo hướng tạo ra sự phát triển cân đối của nền kinh tế, đảm bảo phục vụ ngày càng tốt đời sống nhân dân lao động.

Việc sắp xếp, phối trí lại các lực lượng sản xuất của xã hội nhất định không thể theo ý muốn chủ quan, nóng vội mà phải tuân theo tính tất yếu, khách quan của các quy luật kinh tế, đặc biệt là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển

của lực lượng sản xuất.

Vận dụng tư tưởng đó vào quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, Lênin chẳng những coi trọng các chính sách phát triển một nền kinh tế nhiều thành phần mà còn coi trọng các quan hệ kinh tế hàng hóa - tiền tệ, chủ trương coi trọng thương nghiệp, coi đó là “ mắt xích “ cực kỳ quan trọng trong điều khiển hoạt động của nền kinh tế mà chính quyền nhà nước vô sản và đảng cộng sản đang nắm quyền lãnh đạo “ phải đem toàn lực ra nắm lấy “, nếu không như vậy “ chúng ta sẽ không đặt được nền móng của những mối quan hệ kinh tế và xã hội trong xã hội xã hội chủ nghĩa”. Chính sách kinh tế mới (NEP) do Lênin đưa ra là một trong những chính sách điển hình của việc tôn trọng và vận dụng qui luật phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước Nga, phù hợp với bối cảnh lịch sử lúc đó.

Đối với những nước chưa trải qua quá trình công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa, tất yếu phải tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nhằm tạo ra cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đối với những nước này, nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ quá độ phải là tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa diễn ra ở các nước khác nhau với những điều kiện lịch sử khác nhau có thể được tiến hành với những nội dung cụ thể và hình thức, bước đi khác nhau. Đó cũng là quán triệt quan điểm lịch sử, cụ thể trong việc xác định những nội dung, hình thức và bước đi trong tiến trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực chính trị:

Nội dung cơ bản trong lĩnh vực chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tiến hành cuộc đấu tranh chống lại những thế lực thù địch, chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, củng cố nhà nước và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng vững mạnh, đảm bảo quyền làm chủ trong hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của nhân dân lao động; xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội thực sự là nơi thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động; xây dựng Đảng cộng sản ngày càng trong sạch, vững mạnh ngang tầm với các nhiệm vụ của mỗi thời kỳ lịch sử.

Trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và xã hội:

Nội dung cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng văn hóa của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là: thực hiện tuyên truyền, phổ biến những tư tưởng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin trong toàn xã hội; khắc phục những tư tưởng và tâm lý có ảnh hưởng tiêu cực đối với tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền

văn hóa mới xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu những giá trị tinh thần của các nền văn hóa thế giới.

Trong lĩnh vực xã hội:

Nội dung cơ bản trong lĩnh vực xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải thực hiện việc khắc phục những tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại; từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư trong xã hội nhằm thực hiện mục tiêu, lý tưởng tự do của người này là điều kiện, tiền đề cho sự tự do của người khác.

Tóm lại, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một thời kỳ lịch sử tất yếu trên con đường phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Đó là thời kỳ lịch sử có đặc điểm riêng với những nội dung kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội đặc thù mà giai đoạn xã hội xã hội chủ nghĩa trên con đường phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa chỉ có thể có được trên cơ sở hoàn thành các nội dung đó.

Câu 10. Trình bày quan niệm của chủ nghĩa Mac – Lênin về Dân chủ và bản chất của nền Dân chủ XHCN

Quan niệm về Dân chủ:

Dân chủ và thực hiện dân chủ là nhu cầu khách quan của con người. Ngay từ xã hội công xã nguyên thủy, để duy trì sự tồn tại của mình, con người đã biết tự tổ chức ra những hoạt động có tính cộng đồng, các thành viên công xã đều bình đẳng tham gia vào mọi công việc của xã hội. Việc cử ra những người đứng đầu các cộng đồng và phế bỏ những người đứng đầu nếu không thực thi đúng những qui định chung được giao cho mọi thành viên công xã quyết định thông qua đại hội nhân dân. Đây được coi là hình thức dân chủ sơ khai, chất phác của những tổ chức cộng đồng tự quản trong xã hội chưa có giai cấp

Từ thực tiễn lịch sử xuất hiện, tồn tại và phát triển của dân chủ, chủ nghĩa Mác-Lênin đã nêu ra những quan niệm cơ bản về dân chủ như sau:

Thứ nhất: Dân chủ là sản phẩm tiến hóa của lịch sử, là nhu cầu khách quan của con người. Với tư cách là quyền lực của nhân dân, dân chủ là sự phản ánh những giá trị nhân văn, là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân chống lại áp bức, bóc lột, bất công.

Thứ hai, Dân chủ với tư cách là một phạm trù chính trị gắn với một kiểu nhà nước và một giai cấp cầm quyền thì sẽ không có “dân chủ phi giai cấp”, “dân chủ chung chung”.

Trong xã hội có giai cấp, việc thực hiện dân chủ cho những tập đoàn người này đã loại trừ hay hạn chế dân chủ của tập đoàn người khác. Mỗi chế độ dân chủ gắn liền với nhà nước đều mang bản chất của giai cấp thống trị. Điều này là tất yếu cho mọi chế độ dân chủ, kể cả chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, Dân chủ còn được hiểu với tư cách là một hệ giá trị phản ánh trình độ phát triển cá nhân và cộng đồng xã hội trong quá trình giải phóng xã hội, chống áp bức bóc lột và nô dịch để tiến tới tự do, bình đẳng. Theo Lênin: “dân chủ là bình đẳng. Rõ ràng là cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản để giành quyền bình đẳng có một ý nghĩa rất lớn, nghĩa là phải hiểu bình đẳng cho đúng, hiểu theo nghĩa xóa bỏ giai cấp”.

Nền dân chủ hay chế độ dân chủ là hình thái dân chủ gắn với bản chất, tính chất của nhà nước, là trạng thái được xác định trong những điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội có giai cấp. Nền dân chủ do giai cấp thống trị đặt ra được thể chế hóa bằng luật pháp.

Lênin cho rằng: “chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái của nhà nước. Cho nên cũng như mọi nhà nước, chế độ dân chủ là việc thi hành có tổ chức, có hệ thống sự cưỡng bức đối với người ta “. Do đó, nền dân chủ luôn gắn với nhà nước như là cơ chế để thực thi dân chủ và mang bản chất giai cấp của giai cấp thống trị. Chính vì vậy, kể từ khi nền dân chủ ra đời thì dân chủ trở thành một phạm trù lịch sử, phạm trù chính trị, phạm trù đa nghĩa.

Bản chất của nền DCXHCN

Định nghĩa về DCXHCN

Là một hình thức chính trị - nhà nước của xã hội. Nó thừa nhận quyền tự do, bình đẳng của công nhân, thừa nhận nhân dân là chủ thể quyền lực. Quyền làm chủ của nhân dân được thể chế hoá thành các quy định mang tính pháp quyền, thành nguyên tắc tổ chức và vận hành nhà nước cũng như các thiết chế chính trị khác, tạo nên chế độ dân chủ.

Bản chất dân chủ XHCN

Bản chất chính trị

Chủ nghĩa Mac – Lênin ghi rõ: Bản chất chính trị của nền dân chủ XHCN là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua Đảng của nó đối với toàn XH.

Nhưng không phải chỉ để thực hiện quyền lực và lợi ích riêng cho giai cấp công nhân, mà chủ yếu là để thực hiện quyền lực và lợi ích cho toàn thể nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân. Do vậy dân chủ XHCN vừa có bản chất giai cấp công nhân vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

Bản chất kinh tế

Dân chủ XHCN có sở kinh tế là quan hệ sản xuất XHCN đảm bảo dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất trên cơ sở khoa học, công nghệ hiện đại nhằm thoả mãn ngày càng cao nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

Thực hiện dân chủ trong kinh tế là tiền đề, cơ sở để thực hiện dân chủ về chính trị và văn hoá tư tưởng. Dân chủ trên lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa cơ bản nhất.

Bản chất tư tưởng văn hoá.

Nền dân chủ XHCN lấy hệ tư tưởng chủ nghĩa Mac – Lênin, hệ tư tưởng giai cấp công nhân làm nền tảng tư tưởng, đồng thời kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hoá truyền thống dân tộc, tiếp thu những giá trị tư tưởng, văn hoá, văn minh, tiến bộ XH... mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc. Do đó đời sống tư tưởng – văn hoá của nền dân chủ XHCN rất phong phú, đa dạng, toàn diện và ngày càng trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu, thành mục tiêu và động lực cho quá trình xây dựng CNXH cả giai cấp vô sản

Câu 11: Trình bày tính tất yếu và những nội dung cơ bản của liên minh công – nông – trí thức trong xã hội chủ nghĩa.

a. Tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

- Tính tất yếu của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

Khi tổng kết kinh nghiệm lịch sử, trong tác phẩm Đấu tranh giai cấp ở Pháp Mác chỉ ra rằng: “ công nhân Pháp không thể tiến lên được một bước nào và cũng không thể đung đến một sợi tóc của chế độ tư sản, trước khi đông đảo nhân dân nằm giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, tức là nông dân và giai cấp tiểu tư sản nổi dậy chống chế độ tư sản...” Một trong những nguyên nhân thất bại của công xã Paris là vì giai cấp công nhân chưa lôi kéo được người bạn đồng minh là giai cấp

nông dân đi theo.

Trong giai đoạn cao của chủ nghĩa tư bản - chủ nghĩa đế quốc, Lênin đã vận dụng và phát triển lý luận của Mác vào thực tiễn cách mạng tháng 10 Nga. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Lênin thường xuyên chủ trương và thực hiện củng cố khối liên minh công nông, đó cũng là một trong những nguyên nhân đưa tới thắng lợi của cách mạng tháng 10.

Sau cách mạng tháng Mười, Lênin đặc biệt quan tâm tới xây dựng khối liên minh công - nông. Người chỉ rõ: “ chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiên phong của những người lao động, với đông đảo những tầng lớp không phải vô sản.

Lênin cho rằng, nếu không thực hiện liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân thì giai cấp công nhân không thể giữ được chính quyền nhà nước. “ nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước “ Mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa không phải là duy trì giai cấp, duy trì nhà nước mà tiến lên xây dựng một xã hội không còn giai cấp, không còn nhà nước. Điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở xây dựng khối liên minh công - nông vững chắc, vì có như vậy mới lôi kéo nông dân, đưa nông dân đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

- Cơ sở khách quan của việc xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

Xây dựng khối liên minh công - nông trong cách mạng xã hội chủ nghĩa có những cơ sở khách quan chủ yếu sau đây:

. Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân đều là những người lao động, đều bị áp bức, bóc lột. Giai cấp tư sản bóc lột giai cấp công nhân bằng giá trị thặng dư, còn bóc lột giai cấp nông dân bằng thuế khóa. Do vậy, giai cấp công nhân và giai cấp nông dân dễ dàng thông cảm, dễ dàng liên minh với nhau để chống kẻ thù chung là giai cấp tư sản.

. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp và nông nghiệp là hai ngành sản xuất chính trong xã hội. Nếu không có sự liên minh chặt chẽ giữa công nhân và nông dân thì hai ngành kinh tế này không thể phát triển được. Công nghiệp tạo ra những sản phẩm phục vụ cho nông nghiệp và bà con nông dân. Nông nghiệp tạo ra lương thực, thực phẩm phục vụ cho toàn xã hội, tạo ra nông sản phục vụ cho công nghiệp. Lênin khẳng định: “ Công xưởng xã hội hóa sẽ cung cấp những sản phẩm của mình cho nông dân và nông dân sẽ cung cấp lại lúa mì. Đó là hình thức

tồn tại duy nhất có thể được của xã hội xã hội chủ nghĩa, là hình thức duy nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội “.

. Xét về mặt chính trị - xã hội giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và những người lao động khác là lực lượng chính trị to lớn trong xây dựng, bảo vệ chính quyền nhà nước, trong xây dựng khối đoàn kết dân tộc. Do vậy, có thể nói giai cấp nông dân là người bạn “ tự nhiên “, tất yếu của giai cấp công nhân.

b. Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

- Nội dung liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

Liên minh về chính trị: Giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền là nhằm giành lấy chính quyền về tay giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội liên minh về chính trị giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân là cùng nhau tham gia vào chính quyền nhà nước từ cơ sở đến trung ương, cùng nhau bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và mọi thành quả cách mạng, làm cho nhà nước xã hội chủ nghĩa ngày càng vững mạnh. Tuy nhiên, liên minh về chính trị giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân không phải là sự dung hòa lập trường tư tưởng giữa công nhân với nông dân mà phải trên lập trường chính trị của giai cấp công nhân. Có như vậy giai cấp nông dân mới đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa được.

Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trở thành cơ sở vững chắc cho nhà nước xã hội chủ nghĩa, tạo thành nòng cốt trong mặt trận dân tộc thống nhất.

Liên minh về kinh tế: Đây là nội dung cơ bản nhất, quyết định nhất, vì có liên minh về kinh tế chặt chẽ mới thực hiện được liên minh trong các lĩnh vực khác.

Lênin đã chỉ ra nội dung chủ yếu của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là phải kết hợp đúng đắn lợi ích giữa hai giai cấp. Hoạt động kinh tế phải vừa bảo đảm lợi ích của nhà nước, của xã hội, đồng thời phải thường xuyên quan tâm tới lợi ích của các giai cấp trong xã hội. Nếu kết hợp đúng đắn các lợi ích kinh tế của các giai cấp trong xã hội, nó sẽ trở thành một động lực to lớn thúc đẩy xã hội phát triển, ngược lại, nó trở thành lực cản đối với sự phát triển của xã hội.

Muốn thực hiện được sự liên minh về kinh tế giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, Đảng của giai cấp công nhân và nhà nước xã hội chủ nghĩa phải thường xuyên quan tâm tới xây dựng một hệ thống chính sách phù hợp đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn.

Lênin cũng cho rằng thông qua sự liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân về kinh tế từng bước đưa nông dân đi theo con đường xã hội chủ nghĩa bằng cách từng bước đưa họ vào con đường hợp tác xã với những bước đi phù hợp. Tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga Xô viết, Lênin không chỉ quan tâm tới xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, mà ông còn quan tâm tới xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với tầng lớp trí thức. Lênin cho rằng: “ nếu không quan tâm tới điều đó thì không thể xây dựng được một nền sản xuất công nghiệp hiện đại” và không thể đứng vững được trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Và “ trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được”

Liên minh về văn hóa - xã hội: Nội dung văn hóa xã hội là một nội dung quan trọng trong xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân. Điều đó được cắt nghĩa bởi các lý do sau:

. Chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên một nền sản xuất công nghiệp hiện đại. Những người mù chữ, những người có trình độ văn hóa thấp không thể tạo ra được một xã hội như vậy. Vì vậy, công nhân, nông dân, những người lao động khác phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ văn hóa.

. Chủ nghĩa xã hội với mong muốn xây dựng một xã hội nhân văn, nhân đạo, quan hệ giữa con người với con người, giữa dân tộc này với dân tộc khác là quan hệ hữu nghị, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Điều đó chỉ có thể có được trên cơ sở một nền văn hóa phát triển của nhân dân.

. Chủ nghĩa xã hội tạo điều kiện cho quần chúng nhân dân lao động tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý nhà nước. Nhân dân muốn thực hiện được công việc quản lý của mình cần phải có trình độ văn hóa, phải hiểu biết chính sách, pháp luật.

Muốn nâng cao trình độ văn hóa, trình độ hiểu biết cho nhân dân, chúng ta cần phải thường xuyên giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin trong công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động; phải khắc phục tâm lý tiểu nông và những tư tưởng phản động, lạc hậu. Theo Lênin, cuộc đấu tranh khắc phục những tư tưởng lạc hậu, bảo thủ, trì trệ, thói quan liêu cửa quyền là một công việc khó khăn, vì “ kẻ thù ở ngay chúng ta là chủ nghĩa tư bản vô chính phủ và việc trao đổi hàng hóa vô chính phủ “. Đây là kẻ thù giấu mặt, chúng ta khó nhận ra và phải trải qua một thời kỳ lâu dài “...không thể thực hiện nhanh được như nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ quân sự “

- Những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

Muốn xây dựng được khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân vững chắc, muốn đưa nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội cùng với giai cấp công nhân, cần phải đảm bảo những nguyên tắc sau:

Thứ nhất, Phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp trong khối liên minh công - nông: Lênin cho rằng xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân không có nghĩa là chia quyền lãnh đạo của hai giai cấp này mà phải đi theo đường lối của giai cấp công nhân. Giai cấp nông dân là giai cấp gắn với phương thức sản xuất nhỏ, cục bộ, phân tán, không có hệ tư tưởng độc lập. Do đó, chỉ đi theo hệ tư tưởng của giai cấp công nhân mới có thể tiến lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Lênin khẳng định: "...chỉ có sự lãnh đạo của giai cấp vô sản mới có thể giải phóng quần chúng tiểu nông thoát khỏi chế độ nô lệ tư bản và dẫn họ tới chủ nghĩa xã hội"

Thứ hai, Phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện: Lênin đã nhiều lần nhắc nhở những người cộng sản ở Nga là phải bằng những việc làm cụ thể để cho giai cấp nông dân thấy rằng đi với giai cấp vô sản có lợi hơn đi với giai cấp tư sản, từ đó, họ tự nguyện đi với giai cấp công nhân. Có thực hiện trên tinh thần tự nguyện thì khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân mới bền vững và lâu dài.

Thứ ba, Phải kết hợp đúng đắn các lợi ích của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân: Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân có những lợi ích cơ bản là thống nhất: họ đều là những người lao động, đều bị bóc lột dưới chủ nghĩa tư bản. Sự thống nhất lợi ích này tạo điều kiện thực hiện sự liên minh giữa họ. Song giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là những chủ thể kinh tế khác nhau. Giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất mới cộng sản chủ nghĩa. Giai cấp nông dân gắn với chế độ tư hữu nhỏ. Mà chế độ tư hữu nhỏ thì mâu thuẫn với phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa là xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Do vậy cần phải quan tâm giải quyết mâu thuẫn này, phải thường xuyên phát hiện những mâu thuẫn nảy sinh và giải quyết kịp thời, phải chú ý tới những lợi ích thiết thực của nông dân. Sau nội chiến ở Nga, Lênin đã áp dụng chính sách kinh tế mới, thay chính sách trưng thu lương thực thừa bằng chính sách thuế lương thực. Nhà nước qui định nghĩa vụ đóng thuế lương thực cho nông dân, sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế - người nông dân có thể tự do trao đổi phần lương thực thừa. Điều đó đã phát huy được tính tích cực của người nông dân, đã nhanh chóng đưa nước Nga thoát khỏi những khó khăn sau thời kỳ nội chiến. Lênin cho rằng: " chúng ta phải

để cho nông dân, với tư cách là người sản xuất nhỏ, có được một phạm vi tự do khá lớn. Không nâng cao kinh tế nông dân, chúng ta không thể giải quyết được tình hình lương thực”, cần phải có những nhượng bộ nhất định đối với nông dân và trong một chừng mực nhất định “.

Câu 12. Vì sao dưới CNXH tôn giáo vẫn còn tồn tại. Quan điểm chỉ đạo giải quyết vấn đề tôn giáo của chủ nghĩa Mac – Lênin trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

a. Khái niệm tôn giáo

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội ra đời rất sớm trong lịch sử nhân loại và tồn tại phổ biến ở hầu hết các cộng đồng người trong lịch sử hàng ngàn năm qua. Nói chung, bất cứ tôn giáo nào, với hình thái phát triển đầy đủ của nó, cũng đều bao gồm: ý thức tôn giáo (thể hiện ở quan niệm về các đấng thiêng liêng cùng nhữn tín ngưỡng tương ứng) và hệ thống tổ chức tôn giáo cùng với những hoạt động mang tính chất nghi thức tín ngưỡng của nó.

Khi phân tích bản chất tôn giáo với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, Ăngghen đã cho rằng: “tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hoang đường, hư ảo thế giới khách quan vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang những hình thức của lực lượng siêu trần thế”.

Tôn giáo là sản phẩm của con người, gắn với những điều kiện tự nhiên và lịch sử cụ thể, xác định. Về bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bế tắc, bất lực của con người trước tự nhiên và xã hội. Tuy nhiên, tôn giáo cũng chứa đựng một số giá trị phù hợp với đạo đức, đạo lý con người. Trong hệ thống những lời răn dạy của giáo lý tôn giáo cũng có những lời răn mà trong chừng mực nào đó khi quần chúng chấp nhận vẫn có tác dụng điều chỉnh, như khuyên làm điều tốt, răn bỏ điều ác đối với họ. Bởi vậy khi tham gia sinh hoạt tôn giáo, người ta có cảm nhận như làm công việc “tích đức”, “tu thân”.

Trong lịch sử xã hội loài người, tôn giáo xuất hiện từ rất sớm. Nó hoàn thiện và biến đổi của những điều kiện kinh tế-xã hội, văn hóa, chính trị. Tôn giáo ra đời bởi nhiều nguồn gốc khác nhau nhưng cơ bản là từ các nguồn gốc kinh tế-xã hội, nhận thức và tâm lý.

b. Vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong xã hội xã hội chủ nghĩa, tôn giáo vẫn còn tồn tại. Có nhiều nguyên nhân cho sự tồn tại của tín ngưỡng tôn giáo, trong đó có những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nguyên nhân nhận thức.

Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong xã hội xã hội chủ nghĩa vẫn còn nhiều hiện tượng tự nhiên, xã hội và của con người mà khoa học chưa lý giải được, trong khi đó trình độ dân trí lại vẫn chưa thực sự được nâng cao. Do đó, trước những sức mạnh tự phát của giới tự nhiên và xã hội mà con người vẫn chưa thể nhận thức và chế ngự được đã khiến cho một bộ phận nhân dân đi tìm sự an ủi, che chở và lý giải chúng từ sức mạnh của thần linh.

- Nguyên nhân kinh tế.

Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nền kinh tế vẫn còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế với những lợi ích khác nhau của các giai cấp, tầng lớp xã hội. Trong đời sống hiện thực, sự bất bình đẳng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội vẫn còn diễn ra, sự cách biệt khá lớn về đời sống vật chất và tinh thần giữa các nhóm dân cư còn tồn tại phổ biến. Do đó, những yếu tố may rủi, ngẫu nhiên vẫn tác động mạnh mẽ đến con người, làm cho con người dễ trở nên thụ động với tư tưởng nhờ cậy, cầu mong vào những lực lượng siêu nhiên.

- Nguyên nhân tâm lý.

Tín ngưỡng, tôn giáo đã tồn tại lâu đời trong lịch sử nhân loại, đã trở thành niềm tin, lối sống, phong tục, tập quán, tình cảm của một bộ phận đông đảo quần chúng nhân dân qua nhiều thế hệ. Bởi vậy, cho dù trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong xã hội xã hội chủ nghĩa đã có những biến đổi mạnh mẽ về kinh tế, chính trị - xã hội, thì tôn giáo vẫn không thể biến đổi ngay cùng với tiến độ của những biến đổi kinh tế - xã hội mà nó phản ánh. Điều đó cho thấy, trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội thì ý thức xã hội thường có tính bảo thủ hơn so với sự biến đổi của tồn tại xã hội, trong đó, ý thức tôn giáo thường lại là yếu tố mang tính chất bền vững nhất trong đời sống tinh thần của mỗi con người, của xã hội.

- Nguyên nhân chính trị - xã hội

Xét về mặt giá trị, có những nguyên tắc của tôn giáo là phù hợp với chủ nghĩa xã hội, với chủ trương đường lối, chính sách của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đó là những giá trị đạo đức, văn hóa với tinh thần nhân đạo, hướng thiện..., đáp ứng được nhu cầu của một bộ phận quần chúng nhân dân. Chính vì thế, trong một

chừng mực nhất định, tôn giáo có sức hút mạnh mẽ đối với một bộ phận quần chúng nhân dân.

- Nguyên nhân văn hóa.

Trong thực tế sinh hoạt văn hóa xã hội, sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo đã đáp ứng được phần nào nhu cầu văn hóa tinh thần của cộng đồng xã hội và trong một mức độ nhất định, có ý nghĩa giáo dục ý thức cộng đồng, phong cách, lối sống của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Về phương diện sinh hoạt văn hóa, tôn giáo thường được thực hiện dưới hình thức là những nghi lễ tín ngưỡng cùng với những lời răn theo chuẩn mực đạo đức phù hợp với quan niệm của mỗi loại tôn giáo. Những sinh hoạt văn hóa có tính chất tín ngưỡng, tôn giáo ấy đã lôi cuốn một bộ phận quần chúng nhân dân xuất phát từ nhu cầu văn hóa tinh thần, tình cảm của họ.

Trên đây là những nguyên nhân cơ bản khiến tôn giáo vẫn còn tồn tại trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, cùng với tiến trình đó, tôn giáo cũng có những biến đổi cùng với sự thay đổi của những điều kiện kinh tế-xã hội, với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

quần chúng nhân dân có đạo đã thực sự trở thành chủ thể của xã hội, đời sống vật chất, tinh thần ngày càng được nâng cao. Trên cơ sở đó họ dần dần giải thoát khỏi tình trạng mê tín, dị đoan, ngày càng có được đời sống tinh thần lành mạnh.

Các tổ chức tôn giáo không còn là công cụ của bất cứ thế lực nào muốn mưu toan lợi dụng để áp bức, bóc lột quần chúng nhân dân như trong các xã hội trước đây. Nhà nước xã hội chủ nghĩa hướng các tổ chức giáo hội vào quỹ đạo chuyên lo việc đạo cho tín đồ, tham gia tích cực vào các công tác xã hội từ thiện; tình trạng xung đột tôn giáo không còn nữa.

Đông đảo quần chúng nhân dân có tôn giáo ngày càng có điều kiện tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước, tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa được khơi dậy, tạo nên sức mạnh cùng toàn dân tộc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

c. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

Tín ngưỡng, tôn giáo là những vấn đề nhạy cảm và phức tạp. Do đó, những vấn đề nảy sinh từ tôn giáo cần phải được xem xét, giải quyết hết sức thận trọng, cụ thể và chuẩn xác có tính nguyên tắc với những phương thức linh hoạt theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Giải quyết vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cần dựa trên những nguyên tắc sau đây:

Thứ nhất, Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Đó là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, Khi tín ngưỡng, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân thì nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi công dân. Công dân có tôn giáo hay không có tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Cần phát huy những giá trị tích cực của tôn giáo, nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân.

Thứ ba, Thực hiện đoàn kết những người có tôn giáo với những người không có tôn giáo, đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết những người theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo, đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ cộng đồng vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ tư, Phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong vấn đề tôn giáo. Mặt tư tưởng thể hiện sự tín ngưỡng trong tôn giáo. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, khắc phục mặt này là việc làm thường xuyên, lâu dài. mặt chính trị là sự lợi dụng tôn giáo của những phần tử phản động nhằm chống lại sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động trong lĩnh vực tôn giáo là nhiệm vụ thường xuyên, vừa phải khẩn trương, kiên quyết, vừa phải thận trọng và phải có sách lược phù hợp với thực tế.

Thứ năm, Phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

Trong mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò và sự tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội cũng khác nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về các lĩnh vực, các vấn đề của xã hội có sự khác biệt. Do đó, cần phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi xem xét, đánh giá và giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo. “người Macxit phải biết chú ý đến toàn bộ tình hình cụ thể” – đó là điều mà Lênin đã từng nhắc nhở khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa cần phải có quan điểm và phương thức ứng xử phù hợp với từng trường hợp cụ thể khi giải quyết các vấn đề tôn giáo.